DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 16CLC -HỌC PHÍ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016-2017

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
1	105160110	105160110	Đào Gia Anh Bảo	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
2	105160111	105160111	Lê Thanh Chiến	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
3	105160112	105160112	Nguyễn Xuân Chính	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
4	105160113	105160113	Lê Quang Đại	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
5	105160114	105160114	Ngô Đức Danh	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
6	105160115	105160115	Phan Văn Công Danh	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
7	105160116	105160116	Lê Minh Đạt	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
8	105160117	105160117	Lê Hữu Do	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
9	105160118	105160118	Nguyễn Doãn Đức	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
10	105160119	105160119	Nguyễn Thị Thùy Dung	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
11	105160120	105160120	Nguyễn Phạm Quang Duy	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
12	105160121	105160121	Nguyễn Thanh Duy	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
13	105160122	105160122	Lại Chí Hiếu	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
14	105160123	105160123	Nguyễn Đăng Hiếu	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
15	105160124	105160124	Trần Đức Hiếu	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
16	105160125	105160125	Huỳnh Đức Hòa	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
17	105160126	105160126	Nguyễn Ngọc Hoàng	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
18	105160127	105160127	Trần Quang Hoàng	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
19	105160128	105160128	Đỗ Ngọc Trọng Huấn	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
20	105160129	105160129	Phạm Thái Hùng	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
21	105160130	105160130	Nguyễn Đức Kiệm	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
22	105160131	105160131	Trần Lê Thanh Liêm	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
23	105160132	105160132	Phạm Văn Mạnh	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
24	105160133	105160133	Lê Trọng Nhân	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
25	105160134	105160134	Phan Thành Nhân	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
26	105160135	105160135	Nguyễn Minh Nhất	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
27	105160136	105160136	Chế Viết Nhật	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
28	105160137	105160137	Bùi Ngọc Quang	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
29	105160138	105160138	Nguyễn Hoàng Quang	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
30	105160139	105160139	Nguyễn Viết Sang	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
31	105160140	105160140	Hà Mạnh Sửu	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
32	105160141	105160141	Trần Hữu Thắng	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
33	105160142	105160142	Hồ Đắc Thiên	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
34	105160143	105160143	Trần Văn Thịnh	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
35	105160144	105160144	Võ Thời	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
36	105160145	105160145	Trần Văn Thông	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
37	105160146	105160146	Lữ Anh Thư	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
38	105160147	105160147	Nguyễn Đình Trung	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
39	105160148	105160148	Nguyễn Thành Trung	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
40	105160149	105160149	Võ Thành Trung	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
41	105160150	105160150	Nguyễn Thanh Tú	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
42	105160151	105160151	Lê Tuân	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
43	105160152	105160152	Nguyễn Anh Tuấn	16DCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
44	105160153	105160153	Nguyễn Hoàng Vũ	16DCLC1	9875000	99,380		9,974,380
45	106160112	106160112	Lê Văn An	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
46	106160113	106160113	Trần Đình Trường Anh	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
47	106160114	106160114	Phạm Văn Bang	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
48	106160115	106160115	Nguyễn Hà Phúc Bảo	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
49	106160116	106160116	Trần Gia Bảo	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
50	106160117	106160117	Võ Văn Cảnh	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
51	106160118	106160118	Nguyễn Thị Kiều Châu	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
52	106160119	106160119	Lê Văn Chiến	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
53	106160120	106160120	Phạm Ngọc Cường	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
54	106160121	106160121	Nguyễn Tuấn Đạt	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
55	106160122	106160122	Nguyễn Tiến Đức	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
56	106160123	106160123	Tạ Quang Duy	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
57	106160124	106160124	Lê Công Hậu	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
58	106160125	106160125	Văn Quý Hiếu	16DTCLC1	5925000	99,380		6,024,380

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
59	106160126	106160126	Mai Xuân Hùng	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
60	106160127	106160127	Ngô Trần Thiện Hưng	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
61	106160128	106160128	Phạm Văn Huy	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
62	106160129	106160129	Võ Văn Huy	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
63	106160130	106160130	Vũ Đình Huy	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
64	106160131	106160131	Trần Hoàng Đăng Khoa	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
65	106160132	106160132	Phan Nhật Linh	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
66	106160133	106160133	Nguyễn Quý Lộc	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
67	106160134	106160134	Nguyễn Thành Nam	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
68	106160135	106160135	Từ Phương Nguyên	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
69	106160136	106160136	Trần Nam Phước	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
70	106160137	106160137	Nguyễn Bạch Anh Quân	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
71	106160138	106160138	Đinh Văn Sang	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
72	106160139	106160139	Nguyễn Phước Tài	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
73	106160140	106160140	Lê Minh Thuận	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
74	106160141	106160141	Hoàng Văn Tuyên	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
75	106160142	106160142	Lê Xuân Vũ	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
76	106160143	106160143	Trần Quốc Vũ	16DTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
77	106160144	106160144	Huỳnh Thành Vương	16DTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
78	106160145	106160145	Cao Đức Anh	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
79	106160146	106160146	Nguyễn Đình Ánh	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
80	106160147	106160147	Phạm Nguyễn Minh Cảnh	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
81	106160148	106160148	Đàm Hiếu Chiến	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
82	106160149	106160149	Đặng Ngọc Cường	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
83	106160150	106160150	Nguyễn Quốc Dũng	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
84	106160151	106160151	Phùng Tấn Hậu	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
85	106160152	106160152	Nguyễn Tấn Hùng	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
86	106160153	106160153	Lê Quang Huy	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
87	106160154	106160154	Ngô Duy Khánh	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
88	106160155	106160155	Trần Văn Khoa	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
89	106160156	106160156	Lê Hưng Long	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
90	106160157	106160157	Hồ Hoàng Minh	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
91	106160158	106160158	Nguyễn Tuấn Minh	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
92	106160159	106160159	Võ Quang Nghĩa	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
93	106160160	106160160	Đoàn Thanh Nhã	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
94	106160161	106160161	Lê Thành Nhơn	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
95	106160162	106160162	Hoàng Hải Quân	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
96	106160163	106160163	Lê Minh Quang	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
97	106160164	106160164	Trần Phước Quang	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
98	106160165	106160165	Trương Phương Minh Quang	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
99	106160166	106160166	Nguyễn Hà Anh Quốc	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
100	106160167	106160167	Võ Thanh Sơn	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
101	106160168	106160168	Huỳnh Hữu Tài	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
102	106160169	106160169	Lê Đức Tâm	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
103	106160170	106160170	Dương Ngọc Thành	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
104	106160171	106160171	Nguyễn Nông Trọng Thiên	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
105	106160172	106160172	Trần Văn Thức	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
106	106160173	106160173	Hoàng Hữu Tiến	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
107	106160174	106160174	Phạm Thanh Toàn	16DTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
108	106160175	106160175	Phạm Tấn Trung	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
109	106160176	106160176	Lê Anh Tú	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
110	106160177	106160177	Tô Đông Vĩ	16DTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
111	107160249	107160249	Nhiếp Duy Bá	16H2CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
112	107160250	107160250	Hồ Tô Thanh Bình	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
113	107160251	107160251	Ngô Phú Cường	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
114	107160252	107160252	Lê Thị Mỹ Hằng	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
115	107160253	107160253	Đoàn Châu Thanh Hiền	16H2CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
116	107160254	107160254	Bùi Minh Hùng	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
117	107160255	107160255	Nguyễn Đăng Lương	16H2CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
118	107160256	107160256	Hà Thị Nhất Ly	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
119	107160257	107160257	Đặng Thị Hồng Quỳnh	16H2CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
120	107160258	107160258	Đỗ Thị Kim Thanh	16H2CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
121	107160259	107160259	Đinh Trọng Hiếu Thảo	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
122	107160260	107160260	Nguyễn Thị Anh Thư	16H2CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
123	107160261	107160261	Nguyễn Thanh Thuận	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
124	107160262	107160262	Nguyễn Thị Thanh Thúy	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
125	107160263	107160263	Lương Thị Trinh	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
126	107160264	107160264	Huỳnh Nguyễn Đức Phương Trư	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
127	107160265	107160265	Nguyễn Hoàng Việt	16H2CLC	9875000	99,380		9,974,380
128	107160148	107160148	Phạm Phú Châu	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
129	107160149	107160149	Lê Đình Cương	16H5CLC1	9875000	99,380		9,974,380
130	107160150	107160150	Lê Đức Danh	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
131	107160151	107160151	Lê Văn Duy	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
132	107160152	107160152	Lê Việt Quốc Duy	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
133	107160153	107160153	Phan Mỹ Duyên	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
134	107160154	107160154	Nguyễn Thị Hồng Hà	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
135	107160155	107160155	Hồ Trung Hải	16H5CLC1	9875000	99,380		9,974,380
136	107160156	107160156	Dương Công Hảo	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
137	107160157	107160157	Bùi Công Hậu	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
138	107160158	107160158	Võ Ngọc Hậu	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
139	107160159	107160159	Phạm Văn Hiền	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
140	107160160	107160160	Hoàng Như Hiếu	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
141	107160161	107160161	Võ Thi Hòa	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
142	107160162	107160162	Lê Thanh Hoàng	16H5CLC1	9875000	99,380		9,974,380
143	107160163	107160163	Nguyễn Huy Hoàng	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
144	107160165	107160165	Bùi Quang Nhật Huy	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
145	107160166	107160166	Nguyễn Đức Lộc	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
146	107160167	107160167	Nguyễn Viết Lộc	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
147	107160168	107160168	Lê Nguyễn Hoàng Long	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
148	107160169	107160169	Nguyễn Phát Ngọc Mạnh	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
149	107160170	107160170	Nguyễn Văn Mạnh	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
150	107160171	107160171	Phạm Thị Thùy Minh	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
151	107160172	107160172	Đỗ Uyễn My	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
152	107160173	107160173	Huỳnh Nhật Nam	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
153	107160174	107160174	Lê Văn Nam	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
154	107160175	107160175	Nguyễn Tư Nghĩa	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
155	107160176	107160176	Phạm Bá Ngọc	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
156	107160177	107160177	Nguyễn Nam Nhật	16H5CLC1	9875000	99,380		9,974,380
157	107160178	107160178	Nguyễn Tấn Phát	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
158	107160179	107160179	Trịnh Trần Hồng Phát	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
159	107160180	107160180	Nguyễn Xuân Quang	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
160	107160181	107160181	Nguyễn Chánh Sang	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
161	107160182	107160182	Trương Tấn Sang	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
162	107160183	107160183	Phan Tú Tài	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
163	107160184	107160184	Lê Bình Tân	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
164	107160185	107160185	Lê Hửu Tân	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
165	107160186	107160186	Huỳnh Phạm Công Thành	16H5CLC1	9875000	99,380		9,974,380
166	107160187	107160187	Đinh Xuân Thiện	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
167	107160188	107160188	Phan Phú Thịnh	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
168	107160189	107160189	Trần Phi Thọ	16H5CLC1	9875000	99,380		9,974,380
169	107160190	107160190	Trần Hữu Huy Thông	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
170	107160191	107160191	Huỳnh Lâm Nhật Tiến	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
171	107160192	107160192	Phan Xuân Tư	16H5CLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
172	121160001	121160001	Phạm Thị Thu Ba	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
173	121160002	121160002	Văn Thị Lệ Chi	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
174	121160003	121160003	Châu Khắc Nhật Cường	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
175	121160004	121160004	Nguyễn Văn Quốc Đạt	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
176	121160005	121160005	Dương Quý Dũng	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
177	121160006	121160006	Lê Văn Dũng	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
178	121160007	121160007	Nguyễn Đình Duy	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
179	121160008	121160008	Trần Mậu Gơ	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
180	121160009	121160009	Lê Thị Hằng	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
181	121160010	121160010	Trần Ngọc Hạnh	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
182	121160011	121160011	Hồ Trung Hiếu	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
183	121160012	121160012	Lê Công Hiếu	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
184	121160013	121160013	Lê Nguyên Hoàng	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
185	121160014	121160014	Đinh Xuân Hưng	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
186	121160015	121160015	Lê Thị Diễm Hương	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
187	121160016	121160016	Lê Văn Huy	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
188	121160017	121160017	Tôn Thất Nhật Huy	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
189	121160018	121160018	Võ Đại Huy	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
190	121160019	121160019	Phạm Nguyên Khoa	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
191	121160020	121160020	Hồ Sỹ Trung Kiên	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
192	121160021	121160021	Quách Bá Lâm	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
193	121160022	121160022	Nguyễn Thùy Linh	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
194	121160023	121160023	Nguyễn Công Lộc	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
195	121160024	121160024	Đoàn Thị Thanh Mai	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
196	121160025	121160025	Văn Phú Minh	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
197	121160026	121160026	Lê Trung Nam	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
198	121160027	121160027	Cao Thị Thúy Nga	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
199	121160028	121160028	Phan Thị Hồng Nghiêm	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
200	121160029	121160029	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
201	121160030	121160030	Hoàng Nhật	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
202	121160031	121160031	Nguyễn Đức Minh Nhật	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
203	121160032	121160032	Lê Hồng Phúc	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
204	121160033	121160033	Đỗ Ngọc Quảng	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
205	121160034	121160034	Nguyễn Tấn Quốc	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
206	121160035	121160035	Đoàn Văn Quyến	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
207	121160036	121160036	Nguyễn Thị Mỹ Sơn	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
208	121160037	121160037	Lê Ngọc Tân	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
209	121160038	121160038	Nguyễn Trung Thắng	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
210	121160039	121160039	Nguyễn Đăng Thư	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
211	121160040	121160040	Trần Tình Thương	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
212	121160041	121160041	Nguyễn Viết Toán	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
213	121160042	121160042	Dương Thiên Vân Trà	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
214	121160043	121160043	Nguyễn Văn Trọng	16KTCLC1	9875000	99,380		9,974,380
215	121160044	121160044	Nguyễn Quang Trung	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
216	121160045	121160045	Mai Văn Truyền	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
217	121160046	121160046	Nguyễn Thọ Anh Tuấn	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
218	121160047	121160047	Nguyễn Văn Úy	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
219	121160048	121160048	Đoàn Phan Quốc Việt	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
220	121160049	121160049	Trang Tuấn Vũ	16KTCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
221	121160050	121160050	Nguyễn Gia Bảo	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
222	121160051	121160051	Hoàng Trường Chiến	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
223	121160052	121160052	Nguyễn Thanh Cường	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
224	121160053	121160053	Nguyễn Ngọc Đức	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
225	121160054	121160054	Huỳnh Thanh Dũng	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
226	121160055	121160055	Phạm Ngọc Hoài Dương	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
227	121160056	121160056	Nguyễn Trường Giang	16KTCLC2	5925000	99,380	2,962,500	3,061,880
228	121160057	121160057	Vũ Phan Hà	16KTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
229	121160058	121160058	Phạm Thị Mai Hạnh	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
230	121160059	121160059	Nguyễn Xuân Hậu	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
231	121160060	121160060	Hoàng Lương Hiếu	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
232	121160061	121160061	Nguyễn Gia Hoà	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
233	121160062	121160062	Trần Bảo Hoàng	16KTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
234	121160063	121160063	Trần Duy Hưng	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
235	121160064	121160064	Trần Mạnh Hữu	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
236	121160065	121160065	Nguyễn Thành Huy	16KTCLC2	5925000	99,380	2,962,500	3,061,880
237	121160066	121160066	Trần Viết Gia Huy	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
238	121160067	121160067	Nguyễn Ngọc Khánh	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
239	121160068	121160068	Trương Văn Khoa	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
240	121160069	121160069	Nguyễn Đạt Kim	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
241	121160070	121160070	Ngô Quang Lập	16KTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
242	121160071	121160071	Trần Hoàng Gia Linh	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
243	121160072	121160072	Nguyễn Quốc Lộc	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
244	121160073	121160073	Trương Văn Minh	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
245	121160074	121160074	Lê Phước Mỹ	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
246	121160075	121160075	Ngô Hoài Nam	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
247	121160076	121160076	Nguyễn Kim Ngân	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
248	121160077	121160077	Lê Thị Minh Nguyệt	16KTCLC2	9875000	99,380		9,974,380
249	121160078	121160078	Lê Văn Thành Nhân	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
250	121160079	121160079	Nguyễn Đức Nhật	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
251	121160080	121160080	Tôn Nữ Ý Nhi	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
252	121160081	121160081	Nguyễn Ánh Phượng	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
253	121160082	121160082	Dương Phú Quốc	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
254	121160083	121160083	Nguyễn Thanh Quốc	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
255	121160084	121160084	Đàm Văn Sang	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
256	121160085	121160085	Lê Thị Thảo Sương	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
257	121160086	121160086	Nguyễn Văn Đoàn Thạch	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
258	121160087	121160087	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
259	121160088	121160088	Võ Văn Hoàng Thuận	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
260	121160089	121160089	Trần Văn Tiến	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
261	121160090	121160090	Nguyễn Tam Bảo Toàn	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
262	121160091	121160091	Nguyễn Quốc Trí	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
263	121160092	121160092	Đặng Hữu Trung	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
264	121160093	121160093	Lương Hải Trường	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
265	121160094	121160094	Đặng Ngọc Tú	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
266	121160095	121160095	Đặng Trọng Tuệ	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
267	121160096	121160096	Nguyễn Nhã Uyên	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
268	121160097	121160097	Lê Hoàng Vũ	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
269	121160098	121160098	Lê Thị Hải Yến	16KTCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
270	102160176	102160176	Cái Thế Đức Anh	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
271	102160177	102160177	Hoàng Trọng Bình	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
272	102160178	102160178	Nguyễn Thành Đạt	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
273	102160179	102160179	Hồ Thùy Dương	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
274	102160180	102160180	Đinh Văn Duy	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
275	102160181	102160181	Nguyễn Trọng Hiếu	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
276	102160182	102160182	Võ Đình Hùng	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
277	102160183	102160183	Phạm Thanh Huyền	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
278	102160184	102160184	Đỗ Viết Đăng Khoa	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
279	102160185	102160185	Trần Ngọc Tùng Lâm	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
280	102160187	102160187	Hoàng Văn Nhân	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
281	102160188	102160188	Nguyễn Hữu Phát	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
282	102160189	102160189	Võ Hồng Phong	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
283	102160190	102160190	Hầu Văn Phương	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
284	102160191	102160191	Trần Thanh Sơn	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
285	102160192	102160192	Lê Tấn Tâm	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
286	102160193	102160193	Mai Đức Thắng	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
287	102160194	102160194	Trần Trọng Thắng	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
288	102160195	102160195	Trần Thị Thanh Thảo	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
289	102160196	102160196	Đặng Phúc Thịnh	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
290	102160197	102160197	Nguyễn Huỳnh Quang Tịnh	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
291	102160198	102160198	Dương Viết Minh Trí	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
292	102160199	102160199	Nguyễn Thanh Trí	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
293	102160200	102160200	Nguyễn Thành Trực	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
294	102160201	102160201	Phan Thanh Tú	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
295	102160202	102160202	Tô Anh Tú	16TCLC1	9875000	99,380		9,974,380
296	102160203	102160203	Lê Khắc Tùng	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
297	102160204	102160204	Phan Thị Minh Tuyết	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
298	102160205	102160205	Trần Chấn Vũ	16TCLC1	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
299	102160143	102160143	Nguyễn Hữu Hoàng Hưng	16TCLC2	9875000	99,380		9,974,380
300	102160206	102160206	Lê Văn Anh	16TCLC2	9875000	99,380		9,974,380
301	102160207	102160207	Nguyễn Hữu Công	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
302	102160208	102160208	Nguyễn Năm Thành Đạt	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
303	102160209	102160209	Lê Minh Đức	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
304	102160210	102160210	Nguyễn Văn Dương	16TCLC2	9875000	99,380		9,974,380
305	102160211	102160211	Trần Văn Dương	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
306	102160212	102160212	Nguyễn Trần Hậu	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
307	102160213	102160213	Nguyễn Đức Hoàng	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
308	102160214	102160214	Nguyễn Mạnh Huy	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
309	102160215	102160215	Đoàn Văn Khánh	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
310	102160216	102160216	Phan Kỳ	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
311	102160217	102160217	Đặng Xuân Lộc	16TCLC2	9875000	99,380		9,974,380
312	102160218	102160218	Nguyễn Thái Minh	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
313	102160219	102160219	Nguyễn Bích Ngọc	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
314	102160220	102160220	Nguyễn Thị Khánh Như	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
315	102160221	102160221	Nguyễn Phước Phi	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
316	102160222	102160222	Lê Ngọc Phú	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
317	102160223	102160223	Lê Trần Hồng Phúc	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
318	102160224	102160224	Nguyễn Hoàng Phúc	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
319	102160225	102160225	Nguyễn Bá Quân	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
320	102160226	102160226	Phan Đức Thắng	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
321	102160227	102160227	Hồ Nguyễn Ngọc Thành	16TCLC2	9875000	99,380		9,974,380
322	102160228	102160228	Lê Thị Trâm	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
323	102160229	102160229	Phạm Văn Tuấn	16TCLC2	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
324	102160230	102160230	Hoàng Tấn Trường An	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
325	102160231	102160231	Nguyễn Đức Tuệ Anh	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
326	102160232	102160232	Phan Minh Tuấn Anh	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
327	102160233	102160233	Nguyễn Thị Minh Ánh	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
328	102160234	102160234	Đàm Văn Hoàng Bửu	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
329	102160235	102160235	Nguyễn Đăng Ca	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
330	102160236	102160236	Dương Bảo Chánh	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
331	102160237	102160237	Trần Minh Chiến	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
332	102160238	102160238	Lê Phú Cường	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
333	102160239	102160239	Nguyễn Tất Đang	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
334	102160240	102160240	Nguyễn Văn Dũng	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
335	102160241	102160241	Trịnh Trung Hiếu	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
336	102160242	102160242	Đoàn Hữu Hóa	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
337	102160243	102160243	Lê Hoàng	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
338	102160244	102160244	Võ Tường Huân	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
339	102160245	102160245	Võ Sỹ Hùng	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
340	102160246	102160246	Lê Thị Thiên Hương	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
341	102160247	102160247	Lưu Văn Huy	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
342	102160248	102160248	Nguyễn Thanh Huyền	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
343	102160249	102160249	Nguyễn Thế Kiên	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
344	102160250	102160250	Bùi Thị Kiều	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
345	102160251	102160251	Lê Hoàng Lân	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
346	102160252	102160252	Phan Thị Phương Linh	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
347	102160253	102160253	Hồ Ngọc Luân	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
348	102160254	102160254	Hoàng Hữu Mạnh	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
349	102160255	102160255	Nguyễn Công Minh	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
350	102160256	102160256	Lương Thanh Nhật	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
351	102160257	102160257	Phan Đăng Phú	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
352	102160258	102160258	Trần Phú Quy	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
353	102160259	102160259	Nguyễn Văn Quý	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
354	102160260	102160260	Nguyễn Thanh Sơn	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
355	102160261	102160261	Nguyễn Trường Sơn	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
356	102160262	102160262	Trần Thị Thu Sương	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
357	102160263	102160263	Lương Minh Tâm	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
358	102160264	102160264	Lê Xuân Tân	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
359	102160265	102160265	Lê Đức Thắng	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
360	102160266	102160266	Nguyễn Thị Thư	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
361	102160267	102160267	Nguyễn Thị Anh Thư	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
362	102160268	102160268	Lê Nhựt Thủy	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
363	102160269	102160269	Đoàn Quốc Toản	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
364	102160270	102160270	Lê Hoàng Tú	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
365	102160271	102160271	Châu Thị Tư	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
366	102160272	102160272	Lê Tường Vi	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
367	102160273	102160273	Trần Chí Vĩ	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
368	102160274	102160274	Nguyễn Lê Viễn	16TCLC3	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
369	102160275	102160275	Nguyễn Lại Tam Vũ	16TCLC3	9875000	99,380		9,974,380
370	105160217	105160217	Lê Quốc Anh	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
371	105160218	105160218	Nguyễn Tuấn Cảnh	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
372	105160219	105160219	Lê Văn Chí	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
373	105160220	105160220	Đỗ Quốc Cường	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
374	105160221	105160221	Lê Kim Quốc Cường	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
375	105160222	105160222	Hoàng Văn Đạt	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380
376	105160223	105160223	Trần Viết Đạt	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
377	105160224	105160224	Nguyễn Minh Dũng	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
378	105160225	105160225	Nguyễn Tiến Dương	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
379	105160226	105160226	Phạm Thị Trà Giang	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
380	105160227	105160227	Đàm Thị Hà	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
381	105160228	105160228	Dương Xuân Hiếu	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
382	105160229	105160229	Lê Văn Hiếu	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
383	105160230	105160230	Nguyễn Minh Hiếu	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
384	105160231	105160231	Nguyễn Trọng Hiếu	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
385	105160232	105160232	Trương Đức Hiếu	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
386	105160233	105160233	Nguyễn Hữu Hòa	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380
387	105160234	105160234	Nguyễn Văn Hồng	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
388	105160235	105160235	Bùi Quang Huy	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
389	105160236	105160236	Ngô Quang Huy	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
390	105160237	105160237	Võ Ngọc Huy	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
391	105160238	105160238	Hồ Văn Khang	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380
392	105160239	105160239	Võ Mạnh Kiệt	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
393	105160240	105160240	Nguyễn Quang Linh	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
394	105160241	105160241	Hồ Ngọc Lộc	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
395	105160242	105160242	Nguyễn Văn Mạnh	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
396	105160243	105160243	Lê Ngọc Minh	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380
397	105160244	105160244	Đinh Hoàng Nguyên	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380
398	105160245	105160245	Dương Hoàng Nguyên	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
399	105160246	105160246	Nguyễn Văn Minh Nhật	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
400	105160247	105160247	Mã Hồng Phúc	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
401	105160248	105160248	Hoàng Hồng Quân	16TDHCLC	5925000	99,380	2,962,500	3,061,880
402	105160249	105160249	Phan Phước Quang	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
403	105160250	105160250	Đinh Duy Quyền	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
404	105160251	105160251	Nguyễn Văn Sang	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
405	105160252	105160252	Phạm Viết Sơn	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
406	105160253	105160253	Trần Văn Tài	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
407	105160254	105160254	Nguyễn Văn Tân	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
408	105160255	105160255	Phạm Mạnh Thắng	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380
409	105160256	105160256	Lê Phương Khánh Thi	16TDHCLC	9875000	99,380		9,974,380
410	105160257	105160257	Nguyễn Thế Xuân Thước	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
411	105160258	105160258	Nguyễn Lương Toàn	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
412	105160259	105160259	Nguyễn Quang Trung	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
413	105160260	105160260	Lê Văn Việt	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
414	105160261	105160261	Hoàng Công Vinh	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
415	105160262	105160262	Huỳnh Đắc Vinh	16TDHCLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
416	109160210	109160210	Hứa Đại Tâm Anh	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380
417	109160211	109160211	Trương Phú Đạt	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
418	109160212	109160212	Mai Văn Đông	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
419	109160213	109160213	Võ Văn Đức	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
420	109160214	109160214	Trần Văn Dũng	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
421	109160215	109160215	Nguyễn Quốc Dương	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380
422	109160216	109160216	Đỗ Quang Duy	16X3CLC	9875000	-9,105,620		769,380
423	109160217	109160217	Trần Văn Duy	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380
424	109160218	109160218	Nguyễn Đình Hải	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
425	109160219	109160219	Nguyễn Đức Hải	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
426	109160220	109160220	Phạm Sỹ Hân	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380
427	109160221	109160221	Hoàng Văn Hiệp	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
428	109160222	109160222	Nguyễn Việt Hoàng	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
429	109160223	109160223	Lê Võ Quốc Huy	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
430	109160224	109160224	Mai Thái Khoa	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
431	109160225	109160225	Nguyễn Sơn Khoa	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380
432	109160226	109160226	Võ Đức Lộc	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
433	109160227	109160227	Nguyễn Ngọc Long	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
434	109160228	109160228	Đỗ Tuấn Minh	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
435	109160229	109160229	Lê Công Tuấn Nhân	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
436	109160230	109160230	Huỳnh Thị Ý Nhi	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
437	109160231	109160231	Cao Ngọc Quý	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
438	109160232	109160232	Nguyễn Xuân Quý	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
439	109160233	109160233	Phạm Đăng An Sơn	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
440	109160235	109160235	Nguyễn Quang Minh Tâm	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
441	109160236	109160236	Ngô Văn Thái	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
442	109160237	109160237	Lê Quyết Thắng	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
443	109160239	109160239	Nguyễn Công Thịnh	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
444	109160240	109160240	Lê Văn Thọ	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380
445	109160241	109160241	TrầN PhúC Thọ	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
446	109160242	109160242	Trương Thị Thủy	16X3CLC	9875000	99,380		9,974,380
447	109160243	109160243	Nguyễn Xuân Trường	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
448	109160244	109160244	Phan Huy Tùng	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500

STT	Mã HS	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí của kỳ	Học phí khóa 16 còn nợ hoặc nộp dư (KỲ 1/16-17)	Học phí đã nộp qua ngân hàng (đợt 1)	Học phí phải nộp
449	109160245	109160245	Nguyễn Từ Đại Việt	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
450	109160246	109160246	Lê Thanh Vũ	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500
451	109160247	109160247	Nguyễn Như Ý	16X3CLC	9875000	99,380	5,706,880	4,267,500